

DỰ BÁO THAY ĐỔI THÀNH PHẦN CHỈ SỐ VN30 & VNFINLEAD

Kỳ đánh giá tháng 1/2026



Thông tin tổng quan

Chỉ số VN30	
SLCP thành phần	30
Ngày công bố	21/01/2026
Ngày hiệu lực	2/2/2026
Số lượng quỹ ETF	4
Quỹ ETF liên quan	DCVFMVN30
	KIM GROWTH VN30
	MAFM VN30
	SSIAM VN30
Tổng AUM (Tỷ VNĐ)	10.298

Chỉ số VNFINLEAD	
SLCP thành phần	Tối thiểu 10
Ngày công bố	19/01/2026
Ngày hiệu lực	2/2/2026
Số lượng quỹ ETF	1
Quỹ ETF liên quan	SSIAM VNFIN LEAD
Tổng AUM (Tỷ VNĐ)	568

THAY ĐỔI THÀNH PHẦN CHỈ SỐ VN30 & VNFINLEAD TRONG KỲ ĐÁNH GIÁ THÁNG 1/2026

Danh mục chỉ số VN30: Thêm mới VPL, loại bỏ BCM

- BCM dự kiến sẽ bị loại khỏi rổ VN30 trong kỳ cơ cấu sắp tới do không đáp ứng tiêu chí về giá trị giao dịch khớp lệnh bình quân ngày, khi mức trung bình 12 tháng thấp hơn ngưỡng 30 tỷ đồng. Ở chiều ngược lại, VPL nhiều khả năng sẽ được bổ sung, nhờ đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sàng lọc và nằm trong Top 20 cổ phiếu có vốn hóa lớn nhất sàn HSX, với giá trị vốn hóa bình quân 12 tháng vượt 154 nghìn tỷ đồng.
- Về tác động, chúng tôi ước tính các quỹ ETF mô phỏng chỉ số VN30 sẽ ghi nhận hoạt động mua ròng mạnh nhất tại HPG (~2,6 triệu cp), VPL (~2,1 triệu cp) và SSI (~1,7 triệu cp). Ở chiều ngược lại, VIC (~3,1 triệu cp), VHM (~1,5 triệu cp) và BCM (~0,3 triệu cp) sẽ chịu áp lực bán ra trong kỳ cơ cấu này.
- TCX và BSR là 2 cổ phiếu cần chú ý trong kỳ đánh giá tiếp theo vào T7/2026. TCX đã đáp ứng đầy đủ tiêu chí về vốn hóa, nhưng chưa đạt yêu cầu về thời gian niêm yết tối thiểu. BSR đạt xếp hạng 24 về vốn hóa tuy nhiên do chưa nằm trong rổ VN30 kỳ trước nên không đạt yêu cầu. Ngoài ra, rủi ro thông tin liên quan đến tư cách công ty đại chúng của BSR cũng cần phải được đánh giá thêm.

Danh mục chỉ số VNFINLEAD: Loại bỏ LPB.

- Theo ước tính của chúng tôi, LPB nhiều khả năng sẽ bị loại khỏi rổ chỉ số VNFINLEAD do không thỏa mãn yêu cầu về tỷ suất quay vòng tối thiểu 0,1% tại thời điểm chốt dữ liệu. Việc LPB (2,1%) bị loại khỏi rổ dẫn đến quá trình tái phân bổ tỷ trọng sang các cổ phiếu còn lại. Các cổ phiếu dự kiến được mua ròng nhiều nhất gồm SHB (~524 nghìn cp), VIX (~273 nghìn cp) và TCB (~166 nghìn cp).

Chi tiết dự báo thay đổi danh mục VN30

STT	Mã cổ phiếu	Tên công ty	Giá (Đvt:VNĐ)	SLCP Lưu hành (Đvt: cổ phiếu)	Tỷ trọng mới	Tỷ trọng cũ	Thay đổi	Ước tính KLGD (Đvt:cổ phiếu)	Ước tính GTGD (Đvt:tỷ VNĐ)
1	HPG	CTCP Tập Đoàn Hòa Phát	27.600	7.675.465.855	8,9%	8,3%	+0,58 đpt	2.621.244	71,5
2	VPL	CTCP Vinpearl	92.300	1.793.300.377	1,9%	0,0%	+1,92 đpt	2.152.470	199,7
3	SSI	CTCP Chứng khoán SSI	32.650	2.491.097.752	2,0%	1,8%	+0,13 đpt	1.696.346	56,0
4	VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương mại	29.000	7.933.923.601	4,8%	4,5%	+0,32 đpt	1.371.998	40,9
5	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	35.600	7.086.240.414	4,8%	4,5%	+0,32 đpt	1.236.609	45,3
6	ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	24.900	5.136.656.599	3,7%	3,4%	+0,24 đpt	1.114.678	27,6
7	STB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	57.800	1.885.215.716	3,3%	3,1%	+0,22 đpt	993.782	54,0
8	SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	16.500	4.593.703.838	1,8%	1,7%	+0,12 đpt	883.156	14,7
9	VCB	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	71.900	8.355.675.094	2,4%	2,2%	+0,16 đpt	882.360	67,0
10	VNM	CTCP Sữa Việt Nam	71.000	2.089.955.445	4,3%	4,0%	+0,28 đpt	785.416	52,0
11	CTG	Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam	40.000	7.766.944.637	1,7%	1,5%	+0,11 đpt	754.453	31,5
12	MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	27.250	8.054.999.909	3,7%	3,5%	+0,24 đpt	580.357	15,9
13	MSN	CTCP Tập đoàn Massan	81.000	1.445.915.457	5,4%	5,0%	+0,35 đpt	574.972	46,2
14	VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	18.400	3.404.005.710	1,3%	1,2%	+0,08 đpt	511.272	9,3
15	LPB	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	41.500	2.987.282.100	4,0%	3,8%	+0,26 đpt	417.199	17,4
16	TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	17.400	2.774.046.873	0,9%	0,9%	+0,06 đpt	402.424	7,1
17	GVR	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP	37.350	4.000.000.000	0,4%	0,4%	+0,03 đpt	389.704	13,8
18	SSB	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	17.950	2.845.000.000	0,9%	0,9%	+0,06 đpt	360.920	6,4
19	GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam-CTCP	103.000	2.412.949.756	1,0%	0,9%	+0,06 đpt	342.096	36,3
20	PLX	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	51.800	1.270.592.235	0,5%	0,4%	+0,03 đpt	309.160	14,8
21	BID	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	50.700	7.021.361.917	0,5%	0,5%	+0,03 đpt	300.204	15,9
22	SAB	Tổng CTCP Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn	52.700	1.282.562.372	0,6%	0,5%	+0,04 đpt	126.149	6,7
23	VRE	CTCP Vincom Retail	31.450	2.272.318.410	2,3%	2,1%	+0,15 đpt	101.555	3,3

Dữ liệu ước tính tại ngày 15/01/2026

Nguồn: Bloomberg, FPTS Tổng hợp

Chi tiết dự báo thay đổi danh mục VN30

STT	Mã cổ phiếu	Tên công ty	Giá (Đvt:VNĐ)	SLCP Lưu hành (Đvt: cổ phiếu)	Tỷ trọng mới	Tỷ trọng cũ	Thay đổi	Ước tính KLGD (Đvt:cổ phiếu)	Ước tính GTGD (Đvt:tỷ VNĐ)
24	MWG	CTCP Đầu Tư Thế Giới Di Động	84.000	1.468.456.763	7,3%	6,8%	+0,48 đpt	100.969	8,7
25	HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM	29.550	5.005.276.323	3,6%	3,3%	+0,23 đpt	38.636	1,1
26	DGC	CTCP Tập đoàn Hoa chất Đức Giang	67.300	379.778.413	1,1%	1,0%	+0,07 đpt	3.703	0,2
27	VJC	CTCP Hàng không Vietjet	180.500	591.611.334	3,9%	3,7%	+0,26 đpt	-66.836	-12,7
28	FPT	CTCP FPT	98.500	1.703.507.121	10,0%	10,3%	-0,31 đpt	-121.565	-12,1
29	BCM	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp	77.900	1.035.000.000	0,0%	0,2%	-0,21 đpt	-264.304	-19,0
30	VHM	CTCP Vinhomes	120.000	4.107.412.004	3,1%	5,1%	-2,01 đpt	-1.521.277	-195,7
31	VIC	Tập Đoàn Vingroup - CTCP	153.000	7.706.031.024	10,0%	14,3%	-4,30 đpt	-3.086.341	-504,5

Dữ liệu ước tính tại ngày 15/01/2026

Nguồn: Bloomberg, FPTS Tổng hợp

DANH MỤC CỔ PHIẾU DỰ PHÒNG

STT	Mã cổ phiếu	Tên công ty	Giá (Đvt:VNĐ)	SLCP Lưu hành (Đvt: cổ phiếu)
1	BSR	CTCP Lọc Hóa dầu Bình Sơn	20.700	5.007.299.686
2	EIB	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	23.100	1.862.720.607
3	GEE	CTCP Điện lực Gelex	223.600	365.999.956
4	MSB	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	12.600	3.120.000.000
5	REE	CTCP Cơ Điện Lạnh	62.300	541.658.139

Chi tiết dự báo thay đổi danh mục VNFINLEAD

STT	Mã cổ phiếu	Tên công ty	Giá (Đvt: VNĐ)	SLCP Lưu hành (Đvt: cổ phiếu)	Tỷ trọng mới	Tỷ trọng cũ	Thay đổi	Ước tính KLGD (Đvt: cổ phiếu)	Ước tính GTGD (Đvt: tỷ VNĐ)
1	SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	16.500	1.522.299.908	9,0%	8,7%	+0,30 đpt	524.323	8,7
2	VIX	CTCP Chứng khoán VIX	25.100	2.663.052.284	5,4%	5,2%	+0,20 đpt	273.824	6,9
3	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	35.600	2.774.046.873	14,9%	14,4%	+0,50 đpt	166.355	5,9
4	MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	27.250	5.005.276.323	11,4%	11,0%	+0,40 đpt	176.761	4,8
5	VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	29.000	850.100.000	15,0%	15,8%	-0,80 đpt	130.037	3,8
6	HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển TP, HCM	29.550	4.593.703.838	8,3%	8,0%	+0,30 đpt	96.765	2,9
7	CTG	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	40.000	7.086.240.414	2,8%	2,7%	+0,10 đpt	17.954	0,7
8	VND	CTCP Chứng khoán VNDirect	20.800	2.845.000.000	1,7%	1,6%	+0,10 đpt	25.406	0,5
9	NAB	Ngân hàng TMCP Nam Á	14.850	1.531.429.858	0,1%	0,1%	+0,00 đpt	-3.722	-0,1
10	VCI	CTCP Chứng khoán Vietcap	34.850	3.404.005.710	1,1%	1,0%	+0,00 đpt	-1.866	-0,1
11	OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	12.150	1.079.956.671	0,1%	0,1%	+0,00 đpt	-6.112	-0,1
12	SSB	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	17.950	2.987.282.100	0,3%	0,3%	+0,00 đpt	-5.364	-0,1
13	BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	50.700	8.054.999.909	0,4%	0,4%	+0,00 đpt	-4.510	-0,2
14	HCM	CTCP Chứng khoán TPHCM	26.050	3.120.000.000	0,7%	0,7%	+0,00 đpt	-15.551	-0,4
15	VCB	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	71.900	1.715.686.480	3,1%	3,0%	+0,10 đpt	-9.883	-0,7
16	MSB	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	12.600	1.885.215.716	0,8%	0,8%	+0,00 đpt	-57.258	-0,7
17	TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	17.400	2.075.914.794	1,2%	0,8%	+0,40 đpt	-53.743	-0,9
18	VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	18.400	8.355.675.094	1,2%	1,1%	+0,00 đpt	-69.158	-1,3
19	SSI	CTCP Chứng khoán SSI	32.650	5.136.656.599	7,4%	7,1%	+0,20 đpt	-52.468	-1,7
20	EIB	Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam	23.100	1.862.720.607	1,8%	1,7%	+0,10 đpt	-89.542	-2,1
21	ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	24.900	7.933.923.601	5,1%	4,9%	+0,20 đpt	-109.613	-2,7
22	STB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	57.800	7.766.944.637	8,4%	8,1%	+0,30 đpt	-87.960	-5,1
23	LPB	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	41.500	7.021.361.917	0,0%	2,1%	-2,10 đpt	-433.280	-18,0

Dữ liệu ước tính tại ngày 15/01/2026

Nguồn: Bloomberg, FPTS Tổng hợp

Người phê duyệt báo cáo:

Nguyễn Ngọc Đức

Trưởng phòng phân tích & tư vấn đầu tư

Nhóm thực hiện báo cáo:

Bộ phận phân tích kỹ thuật – Phòng phân tích đầu tư

Nguyễn Ngọc Tuấn

Trưởng nhóm phân tích

tuannn@fpts.com.vn

Nguyễn Quang Lân

Chuyên viên phân tích

lannq@fpts.com.vn

Hoàng Gia Phở

Chuyên viên phân tích

phohg@fpts.com.vn

Các thông tin và nhận định trong báo cáo này được cung cấp bởi FPTTS dựa vào các nguồn thông tin mà FPTTS coi là đáng tin cậy, có sẵn và mang tính hợp pháp. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo tính chính xác hay đầy đủ của các thông tin này.

Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này cần lưu ý rằng các nhận định trong báo cáo này mang tính chất chủ quan của chuyên viên phân tích FPTTS. Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

FPTTS có thể dựa vào các thông tin trong báo cáo này và các thông tin khác để ra quyết định đầu tư của mình mà không bị phụ thuộc vào bất kỳ ràng buộc nào về mặt pháp lý đối với các thông tin đưa ra.

Tại thời điểm thực hiện báo cáo phân tích, FPTTS, chuyên viên phân tích và người phê duyệt báo cáo hiện không nắm giữ cổ phiếu của các doanh nghiệp này.

Các thông tin có liên quan đến chứng khoán khác hoặc các thông tin chi tiết liên quan đến các cổ phiếu này có thể được xem tại <https://ezsearch.fpts.com.vn> hoặc sẽ được cung cấp khi có yêu cầu chính thức.

Bản quyền © 2010 Công ty Chứng khoán FPT

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
Trụ sở chính

52 Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ,
Hà Nội, Việt Nam.
ĐT: 1900 6446
Fax: (84.24) 3 773 9058

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh

Tầng 3, Tòa nhà 136-138 Lê Thị Hồng Gấm,
phường Bến Thành, TP.Hồ Chí Minh
ĐT: 1900 6446
Fax: (84.28) 6 291 0607

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
Chi nhánh Tp. Đà Nẵng

Số 100, Quang Trung, Phường Hải Châu, TP. Đà
Nẵng, Việt Nam
ĐT: 1900 6446
Fax: (84.23) 6 3553 888